

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD24B2
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Pháp luật(1)	Giáo dục Chính trị(2)	Kỹ năng mềm(2)	Tin học kế toán(4)	Lý thuyết kế toán(3)	Kinh tế học vi mô(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2453403020074	Huỳnh Băng	Băng	26/07/2009	8.4	9.3	9.8	9.2	7.0	8.8	8.5	8.5	Giỏi
02	2453403020075	Võ Thị Kim	Chi	19/06/2009	8.4	9.2	9.2	8.9	6.6	7.2	7.7	7.9	Khá
03	2453403020076	Trần Khánh	Duy	03/02/2009	8.2	8.9	8.9	6.8	6.3	6.7	5.2	7.0	Khá
04	2453403020077	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2009	7.8	7.9	7.8	7.6	7.2	7.4	5.7	7.3	Khá
05	2453403020078	Hà Phong	Đạt	05/08/2009	7.5	7.2	9.2	6.6	7.4	8.7	6.7	7.7	Khá
06	2453403020079	Kiều Thanh	Đức	29/04/2008	0.0	2.0	2.0	2.5	0.7	0.0	0.0	0.9	Yếu
07	2453403020080	Âu Kỳ Hiếu	Em	23/04/2009	7.3	8.9	9.9	7.8	6.7	7.8	6.1	7.6	Khá
08	2453403020081	Huỳnh Gia	Hân	25/07/2009	8.7	9.2	9.5	9.3	9.4	9.8	9.6	9.4	Xuất sắc
09	2453403020082	Lâm Kiến	Hồng	19/09/2009	9.1	9.2	8.6	8.4	7.3	9.0	4.9	8.0	Giỏi
10	2453403020083	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	17/04/2009	8.6	9.4	8.6	8.7	8.9	7.1	6.4	8.2	Giỏi
11	2453403020084	Dương Lê	Huy	08/10/2009	8.0	8.3	8.8	8.1	6.9	6.4	7.0	7.4	Khá
12	2453403020086	Nguyễn Đình	Lợi	16/08/2009	4.1	7.9	6.3	8.6	6.9	5.0	4.0	6.0	Trung bình
13	2453403020087	Nur Juliy Ah	Mach	29/05/2008	2.8	3.0	3.3	2.5	0.7	0.0	3.7	1.9	Yếu
14	2453403020088	Trần Gia	Mãng	25/09/2009	5.9	6.2	9.4	6.8	6.7	7.0	5.8	6.9	Trung bình
15	2453403020089	Thái Hoàng	Minh	14/06/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7	0.0	0.0	0.2	Yếu
16	2453403020090	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	02/06/2001	9.9	9.2	9.8	9.5	9.8	10.0	9.6	9.8	Xuất sắc
17	2453403020091	Lê Bảo	Ngọc	04/10/2009	7.7	8.1	8.0	6.4	6.5	5.1	6.8	6.7	Trung bình
18	2453403020092	Trần Kim	Ngọc	16/05/2009	6.8	7.2	6.8	6.4	5.8	4.4	3.7	5.7	Trung bình
19	2453403020093	Đặng Thị Mỹ	Như	15/01/2009	6.6	8.3	8.1	7.6	6.2	7.2	8.3	7.2	Khá
20	2453403020094	Phạm Hoàng	Phúc	04/04/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7	0.0	0.0	0.2	Yếu
21	2453403020095	Siti	Saphira	18/03/2009	7.8	8.8	8.9	8.2	8.4	6.8	7.4	8.0	Giỏi
22	2453403020096	Bùi Đặng Hữu	Tài	16/04/2009	6.8	8.0	8.2	6.4	5.7	5.1	3.7	6.0	Trung bình
23	2453403020097	Nguyễn Thọ	Thành	29/12/2009	6.9	7.4	8.5	8.8	6.8	5.3	7.7	7.1	Khá
24	2453403020098	Dương Nhật	Thi	04/05/2009	6.6	7.7	9.0	8.6	5.6	6.2	3.3	6.5	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Tin học(2)	Pháp luật(1)	Giáo dục Chính trị(2)	Kỹ năng mềm(2)	Tin học kế toán(4)	Lý thuyết kế toán(3)	Kinh tế học vi mô(2)	Điểm TB	Xếp loại
25	2453403020099	Nguyễn Thị Ngọc Trang	07/08/2009	6.2	8.7	9.3	9.4	7.7	8.2	7.0	8.0	Giỏi
26	2453403020100	Trịnh Phú Trạng	04/03/2008	6.5	7.7	8.0	6.7	2.0	5.2	2.7	4.9	Yếu
27	2453403020102	Phan Thái Ngọc Trâm	28/08/2009	6.0	8.9	8.9	6.5	7.2	6.3	4.6	6.8	Trung bình
28	2453403020103	Đinh Đào Thanh Trúc	30/07/2009	6.5	8.3	6.1	8.3	7.7	5.9	4.9	6.8	Trung bình
29	2453403020104	Hồ Thị Cẩm Tú	30/12/2009	7.8	7.6	5.1	7.2	6.7	6.3	6.8	6.7	Trung bình
30	2453403020105	Nguyễn Huỳnh Kim Tuyền	11/08/2009	8.2	7.4	9.0	6.4	7.1	4.0	4.9	6.6	Trung bình
31	2453403020106	Đinh Phạm Mỹ Uyên	09/11/2009	8.2	9.2	9.5	8.2	7.9	7.8	8.4	8.3	Giỏi
32	2453403020107	Nguyễn Thị Kim Uyên	08/01/2009	8.1	8.9	8.8	7.9	7.2	7.0	7.2	7.7	Khá
33	2453403020108	Nguyễn Thị Mai Vàng	19/09/2009	7.4	7.9	8.4	6.3	7.6	7.8	4.7	7.2	Khá
34	2453403020109	Lâm Yến Vy	04/02/2009	7.4	7.9	8.2	7.1	6.3	5.5	4.6	6.5	Trung bình
35	2453403020110	Nguyễn Tường Vy	15/10/2009	6.2	8.4	7.7	7.7	5.5	5.6	7.4	6.6	Trung bình
36	2453403020111	Lâm Xuân Yến	11/08/2009	6.5	8.5	8.5	8.5	5.1	5.1	4.7	6.3	Trung bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 30 tháng 06 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái